

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC ĐẮK MIL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 956/TTYT-TGV2
V/v đề nghị báo giá hóa chất,
vật tư y tế đã hết số lượng thầu.

Thuận An, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế khu vực Đắc Mil đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua hóa chất, vật tư y tế đã hết số lượng thầu.

Đề nghị các nhà cung cấp báo giá theo các thông tin tại danh mục của phụ lục 1. Bảng báo giá phải đảm bảo đầy đủ các thông tin theo phụ lục 2, hiệu lực của báo giá tối thiểu 90 ngày.

Báo giá xin gửi về:

- Trực tiếp tại: Khoa Dược - TB - VTYT, Trung tâm Y tế khu vực Đắc Mil, thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng.

- Hoặc qua Email: khoaduocdakmil@gmail.com

Thời hạn tiếp nhận: Từ 07h30' ngày 10/7/2026 đến trước 17h30' ngày 19/7/2026.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ Ds Lê Vĩnh Phúc (số điện thoại: 0905876696), Khoa Dược - TB - VTYT, Trung tâm Y tế khu vực Đắc Mil, thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng.

Rất mong nhận được sự quan tâm từ quý đơn vị./.

Nơi nhận: *Ưu*

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Hội đồng chuyên môn;
- Lưu VT, TGV2 (L.V.Phúc).

GIÁM ĐỐC



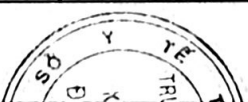
Nguyễn Đăng Trung

Phụ lục 1

DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Ghi chú
1	Nẹp xương đòn chữ S, chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, 8 lỗ, trái	Cái	10	Nẹp xương đòn chữ S, chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, 8 lỗ, trái		
2	Nẹp xương đòn chữ S, chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, 8 lỗ, phải	Cái	20	Nẹp xương đòn chữ S, chất liệu thép không rỉ, vít 3.5mm, 8 lỗ, phải		
3	Nẹp lòng máng, vít 3.5mm, 8 lỗ	Cái	10	Nẹp lòng máng, vít 3.5mm, 8 lỗ		
4	Nẹp tạo hình, vít 3.5mm, 8 lỗ	Cái	20	Nẹp tạo hình, vít 3.5mm, 8 lỗ		
5	Hóa chất định lượng thời gian đông máu PT	Lọ	20	Hóa chất định lượng thời gian đông máu PT. Sử dụng tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504 hoặc tương đương		
6	Hóa chất định lượng thời gian đông máu APTT	Lọ	10	Hóa chất định lượng thời gian đông máu APTT. Sử dụng tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504 hoặc tương đương		
7	Hóa chất Dung môi phản ứng đông máu để định lượng APTT	Lọ	10	Hóa chất Dung môi phản ứng đông máu để định lượng APTT. Sử dụng tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504 hoặc tương đương		
8	Hóa chất định lượng đông máu Fibrinogen	Lọ	10	Hóa chất định lượng đông máu Fibrinogen. Sử dụng tương thích với máy đông máu bán tự động Coa-DATA 504 hoặc tương đương		
9	Phim dùng cho chụp X-quang y tế	Tờ	10.000	Phim X-Quang kỹ thuật số công nghệ in nhiệt (Tinh chất nhạy nhiệt), kích thước 20cm x 25cm (8x10in) tương thích với Hệ thống xử lý hình ảnh X-Quang số hóa		

Ước



				CR- Fujifilm, máy in phim khô Drypix Lite (Drypix 2000)		
10	Que thử định lượng nồng độ HbA1c trong máu	Test/Cái	200	Que thử định lượng nồng độ HbA1c trong máu, sử dụng tương thích với máy Standard™ A1cCare Analyzer hiện có		
11	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Test/Cái	500	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV		
	Test thử xét nghiệm kháng thể kháng liên cầu O (ASO)	Test/Cái	300	Test thử dùng để phát hiện kháng thể kháng liên cầu O (ASO) dựa trên nguyên tắc ngưng kết		
12	Ống đựng bệnh phẩm các loại	Cái	1.000	Ống nghiệm Citrate 3,8% 1ml nắp xanh lá, mous thấp		
13	Hoá chất định lượng Cholesterol	Hộp	01	Hoá chất định lượng Cholesterol. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
14	Hoá chất định lượng LDL-Cholesterol	Hộp	05	Hoá chất định lượng LDL-Cholesterol. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
15	Hoá chất định lượng HDL-Cholesterol	Hộp	05	Hoá chất định lượng HDL-Cholesterol. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
16	Hoá chất định lượng CRP	Hộp	05	Hoá chất định lượng CRP. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
17	Hoá chất định lượng Calci toàn phần	Hộp	02	Hoá chất định lượng Calci toàn phần. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		

Wu

18	Hoá chất định lượng Creatinine	Hộp	05	Hoá chất định lượng Creatinine. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
19	Hoá chất định lượng Urea	Hộp	01	Hoá chất định lượng Urea. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
20	Hoá chất định lượng CK-MB	Hộp	01	Hoá chất định lượng CK-MB. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FERRITIN	Hộp	01	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Ferritin trong huyết thanh. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FERRITIN	Hộp	01	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FERRITIN. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
23	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng FERRITIN	Hộp	01	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng FERRITIN. Sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240 và máy KENZA 240TX hoặc tương đương		
	Cộng: 23 khoản.					

Handwritten signature

Đơn vị:

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Đắk Mil.



STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											MI
												
	Hàng hóa thứ n											Mn
Tổng cộng giá báo giá của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

....., ngày tháng năm 2026
Đại diện hợp pháp của nhà thầu